TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 272/2024/DS-PT
Ngày: 15/11/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Giao và ông Cao Minh Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Như Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (D), sinh năm 1979; nơi cư trú: số 111 Hải Thượng Lãn Ô, khóm T 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Trung C, sinh năm 1970; Nơi cư trú: ấp L, xã L A, huyện C, tỉnh An Giang (theo Giấy uỷ quyền ngày 09/11/2024).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Việt E, sinh năm 1974;

2.2. Bà Trần Thị Lệ H (Q), sinh năm 1974;

Cùng nơi cư trú: số 348 tổ 11, ấp H 2, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Bùi Trần Phú T là Luật sư Văn phòng luật sư Phú T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang; địa chỉ: số 7 đường Hồ Hảo H, khóm Đ 8, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1974;

3.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977;

Cùng nơi cư trú: tổ 01 ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D: Ông Trương Phú P, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 101 tổ 4 ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/10/2024)

3.3. Ông Đoàn Quốc Đ, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D.

(Bà L, ông V, bà D, ông Đại vắng mặt. Riêng ông C, ông Việt E, bà H và Luật sư T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào ngày 30/3/2020 bà Nguyễn Thị L (D) có cho bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E vay số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, không thoả thuận thời hạn, khi nào cần lấy lại tiền vốn thì thông báo cho bà H (Q) trước 01 tháng, trả lãi theo mùa vụ (3-4 tháng) trả lãi một lần, mục đích vay phục vụ kinh tế trong gia đình (mua bán vật tư nông nghiệp), bà H có viết biên nhận nợ lập ngày 30/3/2020, quá trình thực hiện hợp đồng bà H có trả lãi nhiều lần tổng 319.250.000 đồng. Sau đó, hai bên thống nhất phía bà H, ông E còn nợ vốn 950.000.000 đồng, nợ tiền lãi 90.000.000 đồng thì ngừng trả, bà L yêu cầu hoàn trả tiền vốn thì bà L sẽ giảm lãi, bị đơn hứa nhưng không thực hiện. Vì vậy, bà L yêu cầu bà H và ông E có trách nhiệm liên đới trả nợ vốn 950.000.000 đồng và lãi từ ngày 30/12/2021 cho đến ngày xét xử theo lãi suất nhà nước quy định.

** Bị đơn bà Trần Thị Lệ H (Q) trình bày:*

Vào năm 2020 bà H không vay số tiền như bà L khởi kiện. Trước đây, bà H có vay tiền của bà L nhưng đã trả xong vốn chỉ còn nợ lãi là 60.000.000, biên nhận mà bà L cung cấp thì bà H đã trả xong nên theo yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà H không đồng ý.

Đối với, yêu cầu độc lập của bà D, ông V thì bà H thừa nhận có vay tiền của bà D, ông V là 1.900.000.000 đồng. Đồng thời, hai bên có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/6/2023 diện tích 11.209m^2 theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H, ông E đứng tên, giá chuyển nhượng 1.100.000.000 đồng, bà D đã giao tiền cho bà H là 900.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng bà H đồng ý khấu trừ vào nợ vay (1.900.000.000 đồng - 200.000.000 đồng), tuy nhiên trên hợp đồng công chứng chứng thực giá chuyển nhượng 560.000.000 đồng, phía bà D đã nhận đất canh tác, đến khi làm thủ tục sang tên thì phía nguyên đơn yêu cầu phong toả tài sản của người có nghĩa vụ đối với diện tích đất trên, nên thủ tục sang tên chưa hoàn thành.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị D có yêu cầu độc lập trình bày:*

Ngày 20/01/2021 bà H với ông E vay của bà D, ông V số tiền 1.900.000.000 đồng mục đích làm kinh tế trong gia đình, lãi suất 1,5%/tháng, không thoả thuận thời hạn trả, đã trả lãi đầy đủ. Đến ngày 08/6/2023 giữa hai bên có thoả thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 11.209m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H, ông E đứng tên với giá chuyển nhượng 1.100.000.000 đồng, bà D đã giao tiền cho bà H là 900.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 giữa hai bên đồng ý khấu trừ vào nợ vay (1.900.000.000 đồng - 200.000.000 đồng), tuy nhiên trên hợp đồng công chứng chứng thực giá chuyển nhượng 560.000.000 đồng, phía bà D đã nhận đất canh tác. Sau đó, hai bên tiến hành làm thủ tục sang tên thì nguyên đơn bà L yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong toả tài sản là quyền sử dụng đất với diện tích đất nêu trên nên việc sang tên chưa hoàn thành. Do đó, bà D, ông V yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D, ông V với bà H, ông E vô hiệu. Phía bà H, ông V hoàn trả lại số tiền 900.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi phát sinh theo qui định pháp luật từ ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử, bà D, ông V giao trả lại diện tích được đo đạc theo sơ đồ hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P. Ngoài ra, bà D, ông V yêu cầu bà H, ông E cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ vay là 1.900.000.000 đồng và tính từ ngày 20/6/2023 theo lãi suất Nhà nước qui định đến ngày xét xử.

Ông Nguyễn Văn Việt E đã được tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Toà án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án. Tòa án đã triệu tập các ông đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông E vẫn vắng mặt, không rõ lí do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Quốc Đ trình bày: Vào năm 2022 - 2023 ông Đ có nhận chuyển khoản cho bà H, chuyển khoản 4 lần, tổng số tiền 110.000.000 đồng vào tài khoản người nhận bà Nguyễn Thị L, việc chuyển khoản ông Đ tính phí, không liên quan đến nội dung các bên tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện P tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288, Điều 357, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (D) đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E.

Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) với ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L (D) số tiền là 1.264.083.000 (Một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn) đồng.

2. Đình chỉ 01 phần khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D đối với bà Trần Thị Lệ H (Q), ông Nguyễn Văn Việt E về lãi phát sinh trên số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/6/2023 là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V số tiền 900.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D giao trả cho bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E diện tích đất là 12466m^2, theo sơ đồ đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P cung cấp 27/3/2024 (kèm theo sơ đồ hiện trạng).

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E về hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V số tiền 2.234.875.000 (Hai tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện P.

6. Huỷ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBĐ ngày 12/6/2023 của Toà án nhân dân huyện P. Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 117.000.000 đồng theo tài khoản số 104845999939 ngày 12/6/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 26/8/2024 và ngày 06/9/2024, bị đơn bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E kháng cáo với nội dung: Ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H không thừa nhận có nợ tiền bà Nguyễn Thị L và đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H.

Ngày 30/8/2024 và ngày 06/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D kháng cáo yêu cầu: được ưu tiên thi hành án số tiền 705.822.466 đồng và đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D với ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hồ Trung C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Việt E và bà Trần Thị Lệ H kháng cáo, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xác định năm 2020 không có nhận của bà L số tiền vay 950.000.000 đồng; giữ nguyên việc chuyển nhượng như hợp đồng đã ký kết vì ông, bà không hề tẩu tán tài sản và yêu cầu khấu trừ vào vốn gốc số tiền ông, bà còn nợ vợ chồng ông V, bà D.

Luật sư Bùi Trần Phú T - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm tranh luận: Ông E, bà H không thừa nhận có vay và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà H không thừa nhận biên nhận là chứng cứ do bà L cung cấp và ông E không ký tên cũng như không có vay số tiền này nên bà L yêu cầu ông E cùng liên đới trách nhiệm trả tiền cho bà L là không có căn cứ. Đối với yêu cầu của bà D, ông V thì bà H, ông E thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện về hợp đồng vay và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đề nghị Toà án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V, bà D với ông E, bà H.

Ông Trương Phú P là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D trình bày: Vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đối với đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V, bà D với ông E, bà H; tuy nhiên ông V, bà D xin rút lại phần yêu cầu kháng cáo đối với đề nghị được ưu tiên thi hành án số tiền 705.822.466 đồng. Bởi vì, số tiền trả nợ vay Ngân hàng HDBank Châu Đốc ngày 06/6/2023 là của vợ chồng ông V, bà D đưa cho ông E, bà H để rút 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang được thế chấp tại ngân hàng ra thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên từ đó Tòa án mới có điều kiện phong tỏa tài sản. Vợ chồng ông V, bà D cũng đã thực hiện thủ tục xác nhận đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại xã Phú Hưng, huyện P để thực hiện việc chuyển

nhượng, đã thanh toán hết số tiền và đã canh tác trên đất từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H; ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D; đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D về yêu cầu ưu tiên thanh toán nợ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông Châu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Lệ H, ông Việt E và bà Bùi Trần Phú T là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bà L, ông V, bà D, ông Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về thủ tục ủy quyền:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L ủy quyền cho ông Hồ Trung C theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2024 do Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Nào chứng nhận số công chứng 1872, quyển số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D ủy quyền cho ông Trương Phú P theo giấy ủy quyền ngày 21/10/2024 do Văn phòng Công chứng Lục Văn Tiến chứng nhận số công chứng 6926, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Hội đồng xét xử xét thấy các thủ tục ủy quyền trên phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[4] Về việc nhập vụ án: Ngày 08/5/2023, Tòa án nhân dân huyện P đã thụ lý sơ thẩm vụ án dân sự số 130/2023/TLST-DS về "tranh chấp hợp đồng vay tài

sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (Diễm) với bị đơn ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H (Q) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D. Đến ngày 01/8/2023, Tòa án nhân dân huyện P tiếp tục thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 213/2023/TLST-DS về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D với bị đơn ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H (Q). Xét thấy, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay có liên quan về việc khấu trừ vào số tiền của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã thụ lý trước đó; do vậy, Toà án nhân dân huyện P đã tiến hành nhập 02 vụ án thành 01 vụ án theo Điều 42 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà L và vợ chồng bà H, ông E:

[5.1] Về số tiền vay: Căn cứ Kết luận giám định số 153/KL-KTHS(TL-GT) ngày 15/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, xác định: chữ ký và chữ viết họ tên Trần Thị Lệ Q trên biên nhận nợ ngày 30/3/2020 là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, giữa bà L và bà Q (H) có xác lập hợp đồng vay tài sản với nhau trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ phù hợp với Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Do bà Q (H) vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 950.000.000 đồng là có căn cứ.

[5.2] Về yêu cầu tính lãi: Bà L thừa nhận đã nhận tiền lãi của bà H nhiều lần đến ngày 30/12/2021 với số tiền 319.250.000 đồng; tuy nhiên trên biên nhận không thể hiện lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/12/2021 đến ngày 16/8/2024 là có cơ sở. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả cho bà L số tiền lãi 314.083.000 đồng là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5.3] Về trách nhiệm liên đới trong thanh toán số tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án, ông E không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, hiện nay bà H, ông E là vợ chồng và cả hai vẫn cùng nhau kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp, mục đích bà H vay tiền để làm kinh tế trong gia đình đồng thời số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà H, ông E có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền vốn và lãi tổng cộng là 1.264.083.000 đồng (= 950.000.000 đồng + 314.083.000 đồng) là có căn cứ.

[6] Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà H, ông E với vợ chồng ông V, bà D:

[6.1] Về hợp đồng vay tài sản: Bà H thừa nhận còn nợ vợ chồng bà D, ông V số tiền 1.900.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/01/2021. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải trả nợ cho vợ chồng bà D, ông V là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà D, ông V yêu cầu bà H trả lãi từ ngày 20/6/2023 đến ngày 25/6/2024 theo quy định pháp luật là phù hợp, do đó cấp sơ thẩm buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà D, ông V số tiền lãi 334.875.000 đồng là có cơ sở.

Về trách nhiệm liên đới trong thanh toán số tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án, ông E không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu độc lập của bà D, ông V. Đồng thời, hiện nay bà H, ông E là vợ chồng và cả hai vẫn cùng nhau kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp, mục đích bà H vay tiền để làm kinh tế trong gia đình đồng thời số tiền vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc bà H, ông E có trách nhiệm liên đới trả cho bà D, ông V số tiền vốn và lãi tổng cộng 2.234.875.000 đồng (=1.900.000.000 đồng + 334.875.000 đồng) là có căn cứ.

[6.2] Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà D, ông V với bà H, ông E:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực là phù hợp quy định. Hai bên đương sự thống nhất với diện tích đã được Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh P đo đạc thực tế là 12.466m^2, ngày 27/3/2024, các đương sự không tranh chấp về diện tích đất. Tuy nhiên, tại thời điểm hai bên thực hiện việc chuyển nhượng, bà L đang khởi kiện yêu cầu bà H, ông E có nghĩa vụ thanh toán khoản vay còn nợ. Điều này cho thấy, mục đích bà H, ông E chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Bên cạnh, bà D, ông V yêu cầu tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là phù hợp. Do vậy, cấp sơ thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/6/2023 giữa bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V với bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E vô hiệu. Đồng thời, buộc bà H, ông E có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 900.000.000 đồng cho bà D, ông V và bà D, ông V giao trả lại diện tích đất 12.466m^2 cho bà H, ông E là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu bồi thường do hợp đồng vô hiệu: Bà D, ông V yêu cầu trả lãi phát sinh đối với số tiền 900.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phong là người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà D rút lại yêu cầu này nên cấp sơ thẩm đình chỉ là phù hợp quy định pháp luật.

[6.3] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện P, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ là phù hợp giá trị tài sản phong tỏa, không cao hơn nghĩa vụ trả nợ. Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L có yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án để đảm bảo tài sản thi hành án nên Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là có căn cứ.

[6.4] Đối với số tiền 117.000.000 đồng bà L đã nộp tại tài khoản phong tỏa số 104845999939 ngày 12/6/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt

Nam - chi nhánh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBĐ ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện P. Số tiền này bà L nộp nhằm mục đích bồi thường thiệt hại trong trường hợp bà L yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng, gây thiệt hại cho người bị áp dụng hoặc người thứ ba. Tuy nhiên, yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà L là đúng quy định pháp luật và yêu cầu khởi kiện của bà cũng được chấp nhận nên xét thấy không cần thiết phải tiếp tục duy trì quyết định buộc thực hiện bảo đảm của Tòa án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBĐ ngày 12/6/2023, hoàn trả lại số tiền 117.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 104845999939 ngày 12/6/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh An Giang cho bà L là đúng quy định.

[7] Đối với yêu cầu kháng cáo được ưu tiên thanh toán số tiền 705.822.466 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phong là đại diện theo ủy quyền của ông V, bà D rút lại yêu cầu này. Xét đây là sự tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ đối với phần rút kháng cáo này và không đề cập xem xét.

[8] Ông Nguyễn Văn Việt E, bà Trần Thị Lệ H; ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H, ông E, ông V, bà D không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D về yêu cầu được ưu tiên thi hành án số tiền 705.822.466 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E, ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 217/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 42, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228, Điều 296, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (Diễm) đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E. Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) với ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L (Diễm) số tiền là 1.264.083.000 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu không trăm tám mươi ba ngàn đồng*).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D đối với bà Trần Thị Lệ H (Q), ông Nguyễn Văn Việt E về lãi phát sinh trên số tiền 900.000.000 đồng từ ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử (ngày 16/8/2024).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 08/6/2023 là vô hiệu.

Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V số tiền 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng*).

Buộc ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D giao trả cho bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E diện tích đất là 12.466m^2, theo sơ đồ đo đạc do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P cung cấp 27/3/2024 (kèm theo sơ đồ hiện trạng).

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V đối với bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E về hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q) và ông Nguyễn Văn Việt E có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V số tiền 2.234.875.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện P.

6. Huỷ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBĐ ngày 12/6/2023 của Toà án nhân dân huyện P. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 117.000.000 đồng (*Một trăm mười bảy triệu đồng*) và lãi suất phát sinh (nếu có) theo tài khoản số 104845999939 ngày 12/6/2023 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh An Giang.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Chi phí tố tụng: Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q), ông Nguyễn Văn Việt E có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Buộc bà Trần Thị Lệ H (Q), ông Nguyễn Văn Việt E có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Thanh V số tiền 6.113.504 đồng (*Sáu triệu một trăm mười ba ngàn năm trăm lẻ bốn đồng*).

8. Về án phí:

8.1. Dân sự sơ thẩm: Trần Thị Lệ H (Q), ông Nguyễn Văn Việt E phải chịu là 165.919.000 đồng (*Một trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm mười chín ngàn đồng*).

Hoàn trả 20.250.000 đồng (*Hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị L theo biên lai thu số 0006145 ngày 08/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

Hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V theo biên lai thu số 0006385 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Hoàn trả 34.500.000 đồng (*Ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh V theo biên lai thu số 0006387 ngày 01/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

8.2. Dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn Việt E, ông Nguyễn Thanh V, bà Nguyễn Thị D - mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0007128, số 0007129 cùng ngày 26/8/2024 và biên lai thu tiền số 0006252, số 0006253 cùng ngày 04/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đương sự "Để thi hành";
- Lưu: HS; TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng